

Bản án số 152/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v Tranh chấp không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Văn

2. Bà Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CB, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Mỹ N, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CB, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trình bày của ông Đặng Văn T tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án:*

Hôn nhân: Ông Đặng Văn T và bà Trần Mỹ N tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ông Đặng Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Mỹ N.

Con chung: Ông T và bà N có 02 người con chung tên Đặng Hoàng N, sinh năm 1998 và Đặng Mỹ N, sinh năm 1999, các con chung hiện do bà N đang nuôi dạy. Khi ly

hôn, các con chung đã trưởng thành nên ông T không đặt ra yêu cầu xem xét.

Tài sản chung: Ông T và bà N có 01 căn nhà, cất vào năm 2019 và 02 công đất lúa tằm tọa lạc tại ấp CB, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha ruột của ông T là ông Đặng Ngọc A đứng tên (ông A đã chết). Ông T đề xuất tài sản chung vợ chồng, ông và bà N tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét.

Nợ chung: Ông T và bà N không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét.

** Trình bày của bà Trần Mỹ N trong quá trình giải quyết vụ án:*

Bà N thống nhất với lời trình bày của ông T về các mối quan hệ về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nay bà có ý kiến sau:

Về hôn nhân: Bà Trần Mỹ N thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Đặng Văn T.

Về con chung: Bà N có 02 người con chung tên Đặng Hoàng N, sinh năm 1998 và Đặng Mỹ N, sinh năm 1999, các con chung hiện đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Tài sản chung: Ông T và bà N có 01 căn nhà, cất vào năm 2019 và 02 công đất lúa tằm tọa lạc tại ấp CB, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha ruột của ông T là ông Đặng Ngọc A đứng tên (ông A đã chết). Nay bà N thống nhất để cho ông T và bà tự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đặng Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Trần Mỹ N. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà N có nơi cư trú tại Ấp CB, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông Đặng Văn T và bà Trần Mỹ N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông Đặng Văn T và bà Trần Mỹ N tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông bà thường hay cự cãi với nhau nên ông T yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà N, bà N thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Văn T và bà Trần Mỹ N chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông T và bà N có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Đặng Văn T và bà Trần Mỹ N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Đặng Văn T và bà Trần Mỹ N có 02 người con chung tên Đặng Hoàng N, sinh năm 1998 và Đặng Mỹ N, sinh năm 1999, các con chung hiện đã trưởng thành, quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà N không đặt ra yêu cầu xem xét về con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông T và bà N xác định vợ chồng có 01 căn nhà và phần đất có diện tích 02 công (tầm 3m), đất tọa lạc tại Ấp CB, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, hiện do cha của ông T là ông Đặng Văn A (đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà N xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không đặt ra yêu cầu xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Ông T và bà N xác định vợ chồng không có nợ chung, không đặt ra yêu cầu xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, không ai đặt ra yêu cầu gì về phần nợ chung để yêu cầu giải quyết. Do đó, không xem xét về nợ chung.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Đặng Văn T và bà Trần Mỹ N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T về việc không công nhận vợ chồng đối với bà Trần Mỹ N.

2.1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Văn T và bà Trần Mỹ N là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Ông T và bà N xác định vợ chồng có 01 căn nhà và một phần đất có diện tích 02 công (tầm 3m), đất tọa lạc tại Ấp CB, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, hiện do cha ông T là ông Đặng Văn A (đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà N xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 07 tháng 12 năm 2021, ông T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0014634 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan Anh

